

Số: /QĐ-UBND

Nam Định, ngày

tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng
khu công nghiệp Xuân Kiên, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1729/QĐ-TTg ngày 28/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ văn bản số 12336/BGTVT-KHĐT ngày 13/11/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc tham gia ý kiến đối với đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 KCN Xuân Kiên, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định;

Căn cứ Nghị quyết số 135/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh Nam Định về việc thông qua đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp Xuân Kiên, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 1872/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Xuân Trường tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ văn bản số 1122/UBND-VP5 ngày 02/11/2023 của UBND tỉnh Nam Định về việc lập Quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp Xuân Kiên, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 05/4/2024 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán Quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp Xuân Kiên, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định;

Căn cứ văn bản số 1319/UBND-VP5 ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh Nam Định về việc đấu nối giao thông dự án Khu công nghiệp Xuân Kiên, huyện Xuân Trường vào đường Nam Định - Lạc Quỳ - Đường bộ ven biển;

Căn cứ Quyết định số 2380/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung điểm đấu nối vào QL.21, QL.21B, QL.37B trên địa bàn tỉnh Nam Định (trong đó phê duyệt, bổ sung vị trí đấu nối tại Km176+017(T)/QL.21 - đường ra, vào Dự án Khu công nghiệp Xuân Kiên, huyện Xuân Trường);

Xét văn bản số 188/SXD-QH ngày 05/12/2024 của Sở Xây dựng về việc thẩm định Quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp Xuân Kiên, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Nam Định tại Tờ trình số 132/TTr-BQLCKCN ngày 21/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp Xuân Kiên, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, với nội dung sau:

I. TÊN ĐỒ ÁN

Quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp Xuân Kiên, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

II. THÀNH PHẦN BẢN VẼ

1. Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất (QH-01)
2. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất và kiến trúc, cảnh quan (QH-02)
3. Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường (QH-03)
4. Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất (QH-04)
5. Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan (QH-05)
6. Bản đồ quy hoạch giao thông và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng (QH-06)
7. Bản đồ quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật - san nền (QH-07)
8. Bản đồ quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật - thoát nước mưa (QH-08)
9. Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp nước (QH-09)
10. Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp năng lượng và chiếu sáng (QH-10)
11. Bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước thải, quản lý chất thải rắn (QH-11)
12. Bản đồ quy hoạch hệ thống viễn thông thụ động (QH-12)
13. Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật (QH-13)
14. Bản vẽ định hướng, quy định việc kiểm soát về kiến trúc, cảnh quan (QH-14)

III. PHẠM VI, QUY MÔ LẬP QUY HOẠCH

- Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch Khu công nghiệp Xuân Kiên nằm trên địa bàn các xã: Xuân Phúc (trước đây là các xã Xuân Kiên, Xuân Tiến, Xuân Hoà), Xuân Ninh, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, với ranh giới như sau:

+ Phía Bắc giáp đường Nam Định - Lạc Quần - Đường bộ ven biển (ĐT.484);

+ Phía Nam giáp ruộng lúa, gần với đường tỉnh ĐT.489B;

+ Phía Đông giáp Khu dân cư hiện trạng;

+ Phía Tây giáp đường QL.21.

- Quy mô diện tích:

+ Quy mô diện tích lập quy hoạch: 1.990.000 m².

+ Quy mô diện tích khu công nghiệp: 1.976.006,8 m² (trong đó giai đoạn 1 là 1.000.000 m²).

IV. CÁC VẤN ĐỀ CHÍNH CẦN GIẢI QUYẾT

- Nghiên cứu đánh giá hiện trạng đặc biệt là hiện trạng hệ thống đường giao thông và khả năng kết nối, hiện trạng hệ thống thoát nước thải, thoát nước mưa của khu vực dự án, kết hợp với việc rà soát quy hoạch chung của khu vực để đề xuất phương án quy hoạch phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật và thực tế triển khai.

- Cập nhật, thống nhất, đồng bộ định hướng quy hoạch chung và các quy hoạch xây dựng, dự án trong phạm vi nghiên cứu.

- Đề xuất cơ cấu sử dụng đất và tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan phù hợp với định hướng chung của khu công nghiệp sạch, hiện đại nhằm thu hút các nhà đầu tư đến triển khai dự án.

- Nghiên cứu, đề xuất hệ thống công trình hạ tầng xã hội như: Nhà ở cho người lao động (nằm ngoài ranh giới khu công nghiệp), công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động làm việc trong khu công nghiệp theo quy định và các công trình hạ tầng khác,... nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, phát triển bền vững khu công nghiệp và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Đánh giá môi trường, phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường. Đề xuất các giải pháp cụ thể giảm thiểu, khắc phục tác động đến môi trường khi triển khai thực hiện quy hoạch.

V. MỤC TIÊU LẬP QUY HOẠCH

- Cụ thể hóa định hướng phát triển công nghiệp, kinh tế - xã hội theo Quy hoạch tỉnh Nam Định tại thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1729/QĐ-TTg ngày 29/12/2023.

- Làm cơ sở lập dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.

- Thu hút đầu tư, sản xuất tập trung tại khu công nghiệp; đồng thời, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương từ nông nghiệp sang công nghiệp, thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

VI. QUY MÔ LAO ĐỘNG; LỰA CHỌN CHỈ TIÊU ĐẤT ĐAI, HẠ TẦNG XÃ HỘI VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT

- Lao động dự kiến trong khu công nghiệp: Khoảng 20.000 người.

- Chỉ tiêu sử dụng đất trong khu công nghiệp xác định theo tỷ lệ (% diện tích toàn khu):

+ Đất giao thông: $\geq 10\%$ (không bao gồm đất giao thông trong khuôn viên lô đất các cơ sở sản xuất)

+ Đất cây xanh: $\geq 10\%$ (không bao gồm đất cây xanh trong khuôn viên lô đất các cơ sở sản xuất)

+ Đất các khu kỹ thuật: $\geq 1\%$

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật áp dụng trong đồ án quy hoạch tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng và các quy chuẩn khác có liên quan, phù hợp với điều kiện thực tiễn.

VII. QUY ĐỊNH VỀ CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT TRONG KHU CÔNG NGHIỆP

Khu công nghiệp Xuân Kiên được phân thành 07 chức năng sử dụng đất, gồm: Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi; Đất khu dịch vụ; Đất hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật khác; Đất cây xanh; Đất đường giao thông; Đất bãi đỗ xe; Đất mặt nước (hồ, kênh).

BẢNG THỐNG KÊ SỬ DỤNG ĐẤT KHU CÔNG NGHIỆP

STT	Loại đất	Toàn khu		Giai đoạn 1		Giai đoạn 2	
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất khu công nghiệp	1.976.006,8	100,00	1.000.000,0	100,00	976.006,8	100,00
1	Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi	1.344.637,4	68,05	649.198,0	64,92	695.439,4	71,25
2	Đất khu dịch vụ	28.693,1	1,45	21.008,9	2,10	7.684,2	0,79
3	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	59.530,9	3,01	48.296,3	4,83	11.234,6	1,15
4	Đất cây xanh	263.862,3	13,35	129.624,3	12,96	134.238,0	13,75
5	Mặt nước (hồ, kênh)	33.268,4	1,68	9.775,1	0,98	23.493,3	2,41

6	Đất bãi đỗ xe	26.226,3	1,33	20.130,0	2,01	6.096,3	0,62
7	Đất giao thông	219.788,4	11,13	121.967,4	12,20	97.821,0	10,03
II	Đất ngoài khu công nghiệp	13.993,2		10.654,5		3.338,7	
1	Đất đầu nối giao thông	7.368,4		4.029,7		3.338,7	
2	Đất công trình thủy lợi (địa phương quản lý)	6.624,8		6.624,8		-	
	Tổng diện tích quy hoạch	1.990.000,0		1.010.654,5		979.345,5	

VIII. NGUYÊN TẮC, GIẢI PHÁP TỔ CHỨC KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

1. Nguyên tắc

- Không gian kiến trúc cảnh quan trong khu công nghiệp được định hình dựa trên hệ thống giao thông của khu công nghiệp. Không gian cảnh quan phân tán toàn khu công nghiệp, tạo cảnh quan đồng đều toàn khu, điểm nhấn là khu vực đầu đoạn đường D3 và khu dịch vụ.

- Kiến trúc trong khu công nghiệp được thiết kế hài hoà, không tách biệt lớn với khu vực hiện trạng xung quanh.

- Không gian cảnh quan tạo dựng dựa trên các yếu tố đã có, lưu giữ bản sắc địa phương tại các khu vực dân cư lân cận.

2. Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan

a) Không gian kiến trúc cảnh quan khu dịch vụ

- Tổ chức theo hướng tập trung tại từng khu; Kiến trúc công trình hiện đại, sử dụng hình khối đơn giản, màu sắc trang nhã, tránh sử dụng những màu sắc nóng, chói. Tầng cao phù hợp với quy định tại đồ án; là khu vực cung cấp dịch vụ lưu trú, tiện tích và các chức năng phục vụ cho chuyên gia, công nhân viên trong khu công nghiệp.

- Không gian cảnh quan đảm bảo cây xanh bóng mát, tạo ra các không gian mở tránh gây áp chế về thị giác, tổng thể mang lại sự hài hòa, thân thiện.

b) Không gian kiến trúc cảnh quan khu sản xuất công nghiệp, kho bãi

- Tổ chức theo hướng đồng bộ trên toàn khu, hạn chế phá vỡ kết cấu không gian kiến trúc cảnh quan của tổng thể.

- Kiến trúc công trình hiện đại, sử dụng hình khối đơn giản, màu sắc trang nhã, hạn chế sử dụng những màu sắc nóng, chói. Tầng cao phù hợp với quy định tại đồ án. Các nhà xưởng sản xuất sử dụng các biện pháp thiết kế đồng bộ với các công trình văn phòng, phụ trợ trong nhà máy.

- Không gian cảnh quan đảm bảo cây xanh bóng mát, giao thông thông thoáng, các không gian chính phụ rõ ràng.

c) Không gian kiến trúc cảnh quan các khu hạ tầng kỹ thuật

- Vị trí ảnh hưởng lớn đến kiến trúc cảnh quan toàn khu, vì vậy kiến trúc công trình cần nghiên cứu thiết kế đảm bảo hài hoà với kiến trúc toàn khu (màu sắc đơn giản, hạn chế sử dụng các màu nóng, chói trong thiết kế).

- Không gian cảnh quan đảm bảo các chỉ tiêu về cây xanh, giao thông nhằm cân bằng với không gian công trình.

d) Không gian cây xanh, mặt nước

- Được thiết kế phân tán toàn khu. Những điểm cây xanh tập trung ưu tiên bám các trục đường để thiết kế tiểu cảnh, sân đường phục vụ công nhân viên, tăng tính thẩm mỹ toàn khu.

- Mặt nước chủ yếu là vị trí nương hoàn trả và hồ điều hòa kết hợp với đoạn sông Trà Thượng 4 qua khu công nghiệp góp phần nâng cao thẩm mỹ cảnh quan khu công nghiệp cũng như các khu vực xung quanh.

IX. QUY HOẠCH HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Quy hoạch san nền

- Cao độ được sử dụng trong đồ án quy hoạch sử dụng hệ độ cao Quốc gia VN-2000 theo quy định.

- Chiều cao san lấp trung bình 1,6 m.

- San lấp mặt bằng xây dựng, cao độ từ +2,0 m đến +2,55 m với độ dốc đảm bảo thoát nước tự chảy và mối liên hệ giữa nền với các tuyến đường bao quanh khu đất.

2. Quy hoạch giao thông

a) Giao thông đối ngoại

- Bố trí các tuyến đường chính và cổng ra vào của khu công nghiệp kết nối với các tuyến đường giao thông quan trọng trong khu vực, bao gồm:

- + Phía Bắc đầu nối đường nhánh vào đường bộ mới (ĐT.484) tại Km18+780(P) và đầu nối với đường bên của ĐT.484 khi đường bên được đầu tư theo quy định của pháp luật (tại vị trí đường D3).

- + Phía Tây đầu nối vào QL.21 tại Km176+017(T).

b) Giao thông đối nội

- Thiết kế theo dạng ô bàn cờ quy hoạch các đường giao thông trục ngang và các đường giao thông trục dọc, thuận tiện trong việc kết nối với hệ thống giao thông đối ngoại;

- Phân chia thành các trục đường chính kết nối từ các cổng vào trung tâm khu công nghiệp, các tuyến đường nhánh được bố trí trên cơ sở song song và vuông góc với các tuyến đường trục chính.

- Các nút giao thông được thiết kế là nút giao cùng mức.

- Đối với đường giao thông trục xã hiện trạng bị ảnh hưởng bởi quy hoạch được hoàn trả đi chung với tuyến đường nội bộ của khu công nghiệp đầu nối với ĐT.484.

- Bố trí 02 vị trí bãi đỗ xe trong phạm vi quy hoạch, trong đó bãi đỗ xe 1 với diện tích khoảng 2,0 ha nằm ở phía Bắc khu công nghiệp (thuộc giai đoạn 1) và bãi đỗ xe 2 với diện tích khoảng 0,6 ha nằm ở trung tâm khu công nghiệp (thuộc giai đoạn 2).

3. Quy hoạch cấp nước

- Nhu cầu cấp nước cho khu công nghiệp khoảng 10.000 m³/ngày đêm (trong đó giai đoạn 1 khoảng 5.000 m³/ngày đêm).

- Nguồn cấp:

- + Trong giai đoạn đầu khi nhu cầu sử dụng nước chưa lớn, nguồn nước cung cấp cho khu công nghiệp được mua từ nhà máy nước Xuân Trường có công suất thiết kế 12.000 m³/ngày đêm hoặc các nhà máy nước hiện có trong khu vực có khả năng cung cấp cho khu công nghiệp.

- + Trong giai đoạn khu công nghiệp hoạt động ổn định, nguồn nước cấp cho khu công nghiệp được lấy từ nhà máy nước sạch (tại lô đất HTKT2) của khu công nghiệp với công suất 10.000 m³/ngày đêm, nguồn nước thô lấy từ sông Ninh Cơ. Nhà máy nước sạch được điều chỉnh nâng công suất theo nhu cầu thực tế của các Nhà đầu tư thứ cấp tuân thủ quy định của pháp luật.

- Mạng lưới cấp nước được thiết kế kết hợp cấp nước sản xuất và chữa cháy theo một đường ống chung, kết hợp giữa mạng vòng và mạng cụt. Đường ống cấp nước được thiết kế đặt dưới vỉa hè, độ sâu đặt ống phụ thuộc vào điều kiện địa hình, địa chất, đường giao thông. Mạng lưới cấp nước sử dụng ống HDPE thiết kế chia làm 02 giai đoạn theo quy hoạch, đầu tư xây dựng hoàn thiện cho giai đoạn 1 và đặt ống chờ đến điểm đầu nối của giai đoạn 2.

- Cấp nước phòng cháy chữa cháy, khi xảy ra đám cháy bơm tăng áp sẽ hoạt động để đẩy áp lực vào mạng đường ống trong khu công nghiệp đảm bảo áp lực nước tại các họng cứu hỏa theo quy định của phòng cháy chữa cháy. Bố trí các họng chữa cháy trên các trục đường giao thông chính, tại các ngã 3, ngã 4...

4. Quy hoạch cấp điện

- Tổng công suất: P = 106.765 kW.

- Nguồn cấp:

+ Trong giai đoạn đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, nguồn điện cấp được lấy từ lưới điện 22kV sau TBA 110kV Lạc Quần hiện có.

+ Trong giai đoạn vận hành khu công nghiệp, nguồn điện cấp cho toàn bộ các hoạt động của khu công nghiệp được đấu nối từ hệ thống điện quốc gia thông qua các tuyến đường dây 22kV sau TBA 110kV KCN Xuân Kiên, công suất (2x63) MVA khi TBA 110kV KCN Xuân Kiên được đầu tư đưa vào vận hành cấp điện. TBA 110kV KCN Xuân Kiên được kết nối với tuyến đường dây 110kV chạy qua khu công nghiệp.

- Quy hoạch các tuyến cáp trung thế 22kV đi nối trên hệ thống cột bê tông cốt thép dọc theo vỉa hè giao thông, dải cây xanh.

- Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng công cộng dọc theo các tuyến đường nội bộ của khu công nghiệp; Sử dụng bộ đèn led chiếu sáng đường phố lắp đặt trên cột thép mạ kẽm.

- Đường dây hạ áp cấp điện chiếu sáng trong khu công nghiệp là hệ thống cáp ngầm 0,4kV, nguồn cấp điện chiếu sáng lấy từ các trạm hạ thế đặt trong khu vực.

5. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động

- Đầu tư xây dựng 01 trạm truy nhập quang OLT (Optical Line Terminal).

- Bố trí 6 vị trí trạm BTS để xây dựng cột ăng ten thân thiện với môi trường.

- Mạng cáp viễn thông (cáp chính và cáp phối) được xây dựng ngầm hóa toàn bộ dọc theo các tuyến đường chính, đường nội bộ, bố trí 19 tủ cáp viễn thông.

6. Quy hoạch thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa được quy hoạch xây dựng đồng bộ theo nguyên tắc tự chảy, các đường cống xả thẳng ra nguồn tiếp nhận theo đường ngắn nhất.

- Hệ thống thoát nước mưa phù hợp hiện trạng, quy hoạch các tuyến đường và khu dân cư xung quanh; hoàn trả hệ thống kênh mương tưới tiêu hiện có trong khu vực đảm bảo không bị ngập úng, khả năng tiêu thoát nhanh, hiệu quả.

- Bố trí hệ thống hố ga thu trực tiếp và hố ga thăm thu kết hợp; Bố trí mạng lưới cống tròn thoát nước mưa theo dạng nhánh, chạy dọc theo các lô đất quy hoạch, thu gom nước mặt và tập trung chảy về các kênh tiêu thoát hiện trạng và các kênh hoàn trả.

7. Quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn

a) Quy hoạch thoát nước thải

- Trên cơ sở tính toán lưu lượng nước thải phát sinh trong khu công nghiệp, lựa chọn xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung cho khu công nghiệp với tổng công suất 6.000 m³/ngày đêm, được quy hoạch, phân chia hệ thống ra thành nhiều modul nhỏ để xử lý, trong đó giai đoạn 1 có khả năng xử lý 3.000 m³/ngày đêm phù hợp với tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp và nhu cầu xử lý của nhà đầu tư thứ cấp. Trạm xử lý nước thải được nâng công suất theo nhu cầu của Nhà đầu tư thứ cấp và quy định của pháp luật.

- Nước thải công nghiệp từ các nhà máy, xí nghiệp phải đảm bảo chất lượng tại cột B bảng 1 QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Vị trí đầu nối xả thải của khu công nghiệp vào kênh Tàu 2-3 (đoạn kênh hoàn trả) nằm ở góc phía Đông Bắc của khu công nghiệp, nguồn nước xả thải đảm bảo chất lượng tại cột A bảng 1 QCVN 40:2011/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Mạng lưới đường ống được quy hoạch, thiết kế theo nguyên tắc bơm có áp từ các nhà máy và được thu gom về trạm xử lý nước thải; được thiết kế chia làm hai giai đoạn theo quy hoạch, đầu tư xây dựng hoàn thiện cho giai đoạn 1 và đặt ống chờ đến điểm đầu nối của giai đoạn 2.

b) Quy hoạch thu gom và xử lý chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt từ khối văn phòng, các khu vực sinh hoạt được phân loại và thu gom về các khu vực tập kết, điểm tập kết lưu giữ để xe chuyên dụng vận chuyển đến các bãi thu gom ngoài khu công nghiệp để xử lý.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được phân loại, lưu giữ riêng theo từng loại để đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển bằng các xe chuyên dụng và được xử lý tại các cơ sở theo đúng quy định.

- Chất thải nguy hại phải được khai báo khối lượng, phân định, phân loại, thu gom và lưu trữ riêng, không để lẫn với chất thải không nguy hại, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường. Đối với rác thải điện tử sẽ yêu cầu phân loại ngay từ các nhà máy trước khi vận chuyển đến bãi tập kết và khu xử lý rác thải, khuyến khích tái chế rác thải điện tử; được vận chuyển bằng thiết bị, phương tiện chuyên dụng phù hợp đến cơ sở xử lý chất thải, xử lý bằng công nghệ phù hợp và đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Bố trí các thùng rác công cộng dọc các tuyến đường giao thông trong khu công nghiệp với khoảng cách 100m/thùng để thu gom rác sinh hoạt, định kỳ thu gom vận chuyển đi bởi đơn vị xử lý rác thải theo hợp đồng.

X. GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn với nước mưa. Nước thải được thu gom, xử lý triệt để từ các công trình đạt tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường theo quy định trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Xây dựng hệ thống cây xanh, trồng các dải cây xanh, thảm cỏ dọc theo tuyến đường giao thông. Bố trí trồng cây xanh tập trung để tạo môi trường cảnh quan.

- Rác thải hàng ngày trong cụm công nghiệp được thu gom và vận chuyển theo quy định.

- Bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng và trong quá trình hoạt động của cụm công nghiệp.

XI. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ; CƠ CHẾ HUY ĐỘNG VÀ TẠO NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

a) Chương trình dự án ưu tiên đầu tư

Căn cứ vào Quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp được phê duyệt; phân kỳ đầu tư theo các giai đoạn của khu công nghiệp cũng như để đảm bảo việc vận hành, hoạt động của khu công nghiệp cần ưu tiên thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Xuân Kiên, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định giai đoạn 1 tại xã Xuân Phúc, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định với diện tích 1.000.000 m².

- Ưu tiên thực hiện các dự án đầu nối về giao thông và hạ tầng kỹ thuật cho giai đoạn 1, cụ thể:

- + Đầu nối tuyến giao thông cửa ngõ dự án với tuyến đường Nam Định - Lạc Quần - Đường bộ ven biển (ĐT.484).

- + Các công trình hạ tầng đầu mối như: Trạm điện và đường dây điện cao thế, trung thế, trạm biến áp, trạm cấp nước sạch, trạm xử lý nước thải, phòng cháy chữa cháy, bãi đỗ xe...

- + Xây dựng khu điều hành, dịch vụ đảm bảo quản lý, vận hành khu công nghiệp và đáp ứng nhu cầu về thương mại, dịch vụ trong khu công nghiệp.

- + San lấp nền và hệ thống hạ tầng nội bộ bên trong khu công nghiệp - giai đoạn 1 kết hợp với hoàn trả các công trình thủy lợi hiện trạng trong quá trình triển khai xây dựng.

- Giai đoạn 2 với quy mô diện tích khoảng 976.006,8 m² nâng diện tích toàn bộ khu công nghiệp lên 1.976.006,8 m² theo quy hoạch được triển khai khi đảm bảo các quy định của pháp luật.

b) Cơ chế huy động và nguồn lực thực hiện

- Kêu gọi, xúc tiến để lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Xuân Kiên, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định có năng lực, kinh nghiệm;

- Kêu gọi và xúc tiến đầu tư các dự án phát triển sản xuất, kinh doanh có công nghệ hiện đại, suất đầu tư lớn, thân thiện môi trường; Tích cực đầu tư cơ sở hạ tầng của Khu công nghiệp tạo lợi thế cạnh tranh trong kêu gọi đầu tư. Xây dựng chính sách ưu đãi, hỗ trợ, thu hút đầu tư phát triển công nghiệp theo quy định.

- Nguồn vốn:

+ Từ nguồn vốn của nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Xuân Kiên, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

+ Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

XII. QUY ĐỊNH QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH

Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định cụ thể tại “Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp Xuân Kiên, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định” trong hồ sơ đồ án quy hoạch.

XIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Nam Định

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, dữ liệu, chỉ tiêu kỹ thuật của đồ án đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định của pháp luật và đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch có liên quan.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, UBND huyện Xuân Trường và các đơn vị liên quan tổ chức công bố công khai đồ án Quy hoạch được duyệt theo quy định.

- Quản lý chặt chẽ quỹ đất và trật tự xây dựng theo quy hoạch được duyệt và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ trong công tác thẩm định đồ án quy hoạch trên, đảm bảo phù hợp với quy hoạch cấp trên, quy hoạch tỉnh và các quy hoạch liên quan; thực hiện kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch được duyệt theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm cập nhật quy hoạch theo ngành để quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch theo quy định.

Điều 2. - Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Xuân Trường và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VP1, VP5.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Anh Dũng